

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024  
của Trung tâm Quản lý đô thị đại học**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM QUẢN LÝ ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trung tâm Quản lý đô thị đại học (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Trung tâm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC, T3.

**GIÁM ĐỐC**  
TRUNG TÂM  
QUẢN LÝ  
ĐÔ THỊ ĐẠI HỌC  
Nguyễn Hữu Hiếu

**Phụ lục 01**  
**SỐ LIỆU CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2024**  
*(Kèm theo Quyết định số 759 /QĐ-QLĐT ngày 12 tháng 5 năm 2025*  
*của Trung tâm Quản lý đô thị đại học)*

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Tổng	Chi tiết	
				070-081	250-278
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>				
<b>I</b>	<b>NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC</b>				
<b>1</b>	<b>Số dư kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>1</b>	<b>62,561,518</b>	<b>62,561,518</b>	<b>-</b>
1.1	Kinh phí thường xuyên	2	62,561,518	62,561,518	-
	- Kinh phí đã nhận	3	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	4	62,561,518	62,561,518	-
1.2	Kinh phí không thường xuyên	5	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	6	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	7	-	-	-
<b>2</b>	<b>Dự toán được giao trong năm</b>	<b>8</b>	<b>15,286,000,000</b>	<b>14,936,000,000</b>	<b>350,000,000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	9	8,936,000,000	8,936,000,000	-
	- Kinh phí không thường xuyên	10	6,350,000,000	6,000,000,000	350,000,000
<b>3</b>	<b>Tổng số được sử dụng trong năm</b>	<b>11</b>	<b>15,348,561,518</b>	<b>14,998,561,518</b>	<b>350,000,000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	12	8,998,561,518	8,998,561,518	-
	- Kinh phí không thường xuyên	13	6,350,000,000	6,000,000,000	350,000,000
<b>4</b>	<b>Kinh phí thực nhận trong năm</b>	<b>14</b>	<b>15,126,879,872</b>	<b>14,814,124,872</b>	<b>312,755,000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	15	8,948,561,518	8,948,561,518	-
	- Kinh phí không thường xuyên	16	6,178,318,354	5,865,563,354	312,755,000
<b>5</b>	<b>Kinh phí đề nghị quyết toán</b>	<b>17</b>	<b>15,126,879,872</b>	<b>14,814,124,872</b>	<b>312,755,000</b>
	- Kinh phí thường xuyên	18	8,948,561,518	8,948,561,518	-
	- Kinh phí không thường xuyên	19	6,178,318,354	5,865,563,354	312,755,000
<b>6</b>	<b>Kinh phí giảm kỳ này</b>	<b>20</b>	<b>171,681,646</b>	<b>134,436,646</b>	<b>37,245,000</b>
6.1	Kinh phí thường xuyên	21	-	-	-

C  
 TÂM  
 QUẢN LÝ  
 ĐÀO TẠO  
 ĐẠI HỌC

	- Đã nộp NSNN	22	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN	23	-	-	-
	- Dự toán bị hủy	24	-	-	-
6.2	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	25	171,681,646	134,436,646	37,245,000
	- Đã nộp NSNN	26	-	-	-
	- Còn phải nộp NSNN/Giám KP quyết toán	27	-	-	-
	- Dự toán bị hủy	28	171,681,646	134,436,646	37,245,000
7	<b>Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán</b>	29	50,000,000	50,000,000	-
7.1	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	30	50,000,000	50,000,000	-
	- Kinh phí đã nhận	31	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	32	50,000,000	50,000,000	-
7.2	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	33	-	-	-
	- Kinh phí đã nhận	34	-	-	-
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	35	-	-	-

